

Số TN: 0597/QTVH/2024/1790/MTX-KQ/HN234/7951

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Toyota Giải Phóng - Chi nhánh Pháp Vân
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Toyota Giải Phóng - Chi nhánh Pháp Vân
3. Địa chỉ : Tổ 10 Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội
4. Loại mẫu : Khí thải
5. Ký hiệu mẫu : KT1
6. Ngày lấy mẫu : 23/04/2024

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KT1	QCVN 19:2009 /BTNMT (B) ⁽²⁰⁾
1	Nhiệt độ	°C	US EPA Method 4	44	-
2	Vận tốc	m/s	US EPA Method 02	6,7	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	48,1	200
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT.KT.06.2	0,00	500
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT.KT.06.2	0,00	850
6	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	MTX.HT.KT-06.1 & MTX.HT.KT.06.2	0,00	1000
7	Hợp chất hữu cơ VOCs	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,9	-
	Benzen	mg/Nm ³		<0,3	5 ⁽²⁰⁾
	Toluen	mg/Nm ³		<0,3	750 ⁽²⁰⁾
	Xylen (o-Xylen)#	mg/Nm ³		<0,3	-
8	Tổng Hydrocacbon (CxHy)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,6	-
	n-heptan	mg/Nm ³		<0,2	2000 ⁽²⁰⁾
	n-hexan	mg/Nm ³		<0,2	450 ⁽²⁰⁾
	Cyclohexan	mg/Nm ³		<0,2	1300 ⁽²⁰⁾

Ghi chú:

- QCVN 19:2009 /BTNMT (B) ⁽²⁰⁾: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
⁽²⁰⁾QCVN 20:2009 /BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- KT1 (HN234.24Q1.KT1): Mẫu khí thải tại ống khói.

(*): Được phân tích bởi đầu phụ; (°): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Thị Hiền



Hà Nội, ngày 8 tháng 5 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC


Dương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 0598/QTVH/2024/1791/MTX-KQ/HN234/7951

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Toyota Giải Phóng - Chi nhánh Pháp Vân
 2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Toyota Giải Phóng - Chi nhánh Pháp Vân
 3. Địa chỉ : Tổ 10 Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội
 4. Loại mẫu : Nước thải
 5. Ký hiệu mẫu : NT1; NT2
 6. Ngày lấy mẫu : 23/04/2024



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT1	NT2	QCTĐHN 02: 2014/BTNMT (B)	QCVN 40: 2011/BTNMT (B)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	26,0	27,5	40	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011 SMEWW 4500 H.B:2023	8,4	8,2	5,5 - 9	5,5 - 9
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	76,0	20,4	100	100
4	Sắt	mg/L	TCVN 6177:1996	1,02	0,17	5	5
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	368,0	91,2	150	150
6	Asen	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	<0,001	1	0,1
7	Cadimin	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0005	<0,0005	0,1	0,1
8	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	23000	4700	5000	5000
9	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	TCVN6001-1:2021	215,2	48,4	50	50
10	Chì	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	<0,002	0,5	0,5
11	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,8	<LOQ (3,0)	10	10
12	Kẽm	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,04	<0,04	3	3
13	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)#	mg/L	TCVN 7325:2016	1,8	2,14	-	-
14	Tổng xianua	mg/L	SMEWW 4500CN.C&E: 2023	<LOQ (0,0045)	<0,0015	0,1	0,1
15	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	62,77	14,05	10	10
16	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	6,04	2,36	-	-
17	Thủy ngân	mg/L	SMEWW 3112B:2023	<0,0005	<0,0005	0,01	0,01
18	Đồng	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,04	<0,04	2	2
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,056	0,048	-	-
20	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023	7,98	11,73	-	-
21	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	23,8	20,7	1000	1000
22	Crom (III)	mg/L	SMWW 3500-Cr.B:2023	<0,04	<0,04	1	1
23	Crom (VI)	mg/L	SMWW 3500-Cr.B:2023	0,021	<LOQ (0,009)	0,1	0,1
24	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	88,3	33,1	40	40
25	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	7,47	3,32	6	6
26	Màu	Pt-Co	TCVN 6185C:2015	171,2	45,9	150	150
27	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,2	<LOQ (3,0)	-	-
28	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	1,017	0,365	-	-

29	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	HDHT.MTX.01	310	280	-	-
30	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	0,51	0,23	0,5	0,5

Ghi chú:

- QCTĐHN 02:2014/BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội
Cột B quy định giá trị c của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.; QCVN 40: 2011/BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- NT1 (HN234.24Q1.NT1): Mẫu nước thải tại bể chứa trước khi xử lý; NT2 (HN234.24Q1.NT2): Mẫu nước tại hồ ga sau khi xử lý đầu công tiếp nhận.

(*) Được phân tích bởi thầu phụ; (*) Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Thị Hiền

Hà Nội, ngày 8 tháng 5 năm 2024


ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
TỰ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG XANH
GIÁM ĐỐC
Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm





CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Ô DV- 4, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2024

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã kỳ: 4335*24Q1

Mã KH: HN234

STT kỳ: 7951

I. Tên khách hàng: Công ty TNHH Toyota Giải Phóng - Chi nhánh Pháp Vân

Cơ sở lấy mẫu: Công ty TNHH Toyota Giải Phóng - Chi nhánh Pháp Vân

Địa chỉ quan trắc: Tổ 10 Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

1. Đại diện: Vũ Văn Mạnh Chức vụ:

2. Đại diện:

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư Vấn và Công Nghệ Môi Trường Xanh

1. Đại diện: Vũ Văn Mạnh Chức vụ: NGUYỄN

2. Đại diện:

III. Đơn vị:

1. Đại diện:

2. Đại diện:

IV. Đơn vị:

1. Đại diện:

2. Đại diện:

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đo đạc, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở:

Công ty đang hoạt động

VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Mẫu nước thải tại bể chứa trước khi xử lý	HN234.24Q1.NT1	N: 20°58'01,1 E: 105°50'46,7	
2	Mẫu nước tại hố ga sau khi xử lý đầu công tiếp nhận	HN234.24Q1.NT2	N: 20°58'01,0 E: 105°50'46,8	
3	Mẫu khí thải tại ống khói	HN234.24Q1.KT1	N: 20°57'59,2 E: 105°50'46,7	

